

いろいろ 生活の日本語



ぶんぽう

文法ワークシート

ぶんぽう

文法ワークシートの使い方

つか かた

かいとう
解答

『いろどり 生活の日本語』 文法ワークシートの使い方

『いろどり 生活の日本語』は、日本で生活している人、これから日本に来て生活したい人が、日本語を使って日常生活の基本的なコミュニケーションができるようになることを目的とした教材です。2020年の公開以来、世界中の多くの方に利用していただいています。

『いろどり』で授業を進めるにあたって、「文法の定着を目的とした練習がほしい」という声が多く聞かれました。日本語でアウトプットするとき、ある文法の形がまだうまく作れなかったりする場合があるので、形を自分で正確に作れるような、機械的な練習があればいい、特に、教室で配布して皆で練習できるようなものがあればいい、という要望です。

「文法ワークシート」は、このような要望に応えて作成されました。これまで、こうした練習は『いろどり』にはなく、必要に応じて『まるごと』の「りかい」やほかの教材を使って補うことが推奨されていましたが、この「文法ワークシート」を使うことで、『いろどり』本冊のトピックや Can-do の文脈に沿った文法の練習ができます。

以下、「文法ワークシート」を使うための説明や注意、進め方の例を示します。

● 文法項目

「文法ワークシート」の文法項目は、本冊の「文法ノート」の項目に合わせて作られています。「文法ワークシート」の①②…という番号は、「文法ノート」の①②…の項目の番号と同じです。

● 練習

それぞれの項目ごとに、【練習】があります。【練習】は、その課のトピックや目標の Can-do と関連付けながら、文法の定着をはかる機械的な練習です。形がスムーズに、正確に作れるように、形に注目した練習をします。プリントアウトした紙に書いてもいいですし、口頭で言う練習にしてもいいでしょう。

これらの練習は、本冊のその課のトピックの中で、Can-do を達成するために行います。そのため、トピックや Can-do とは全く関係のない練習を教師が補ったり、全く関係のない場面の例文を作らせたりするのはやめましょう。

● 整理

形などを復習するために、トピックや Can-do から離れて、ある文法項目について、まとめて練習するのが「整理」です。文法の形の作り方や、似た表現の使い分けなどがあります。

● 進め方(「文法ワークシート」をいつ使うか)

『いろどり』での文法学習は、はじめに音声や文字でのインプットがあったあと、「形に注目」で下線にことばを入れて、文法の形に注目します。そこから①の質問に答えながら、その文型や表現の意味や使い方を自分で考えて、日本語のルールを発見します。そのあとで、「文法ノート」を使って、学習者が自分で説明を読んだり、教師が説明したりして、知識を確認します。

「文法ワークシート」は、「文法ノート」の説明で知識を確認したあとで、その形を自分で作ってみたり、整理したりする練習として、取り入れるといいでしょう。「話す」が目標の活動では、自分で形が作れるようになったことを確認してから、シャドーイングやロールプレイなどの話す練習へと進みます<例1>。

<例1>

- ・ Can-do を確認する
- ・ ことばの準備
- ・ (会話例を) 聞く／読む
- ・ 形に注目
 - ↓ 下線にことばを書いて、文型や表現に注目する
 - ↓ 文型や表現の意味や使い方を考える
 - ↓ 「文法ノート」の説明を使って確認する
 - ↓ 「文法ワークシート」で、文法の定着をはかる
- ・ (話す練習をする)
- ・ Can-do チェック

または、ある活動をひととおりやってから、復習として、「文法ワークシート」を行うのもいいでしょう<例2>。クラスでいっしょにしてもいいですし、宿題にすることもできます。

<例2>

第×課、活動1

- ・ Can-do を確認する
- ・ ことばの準備
- ・ (会話例を) 聞く／読む
- ・ 形に注目
- ・ (話す練習をする)
- ・ Can-do チェック

↓ 「文法ワークシート」で復習(クラス／宿題)

第×課、活動2

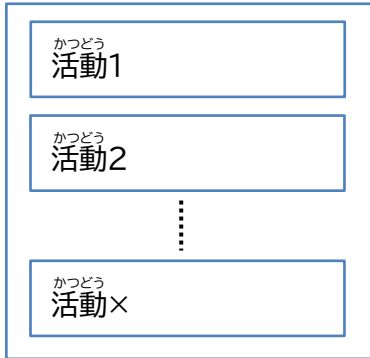
- ・ Can-do を確認する
- ・ ことばの準備
- ・ (会話例を) 聞く／読む
- ・ 形に注目
- ・ (話す練習をする)
- ・ Can-do チェック

↓ 「文法ワークシート」で復習(クラス／宿題)

復習は、課ごとに行ってもかまいません<例3>。

<例3>

第×課



- ・「文法ワークシート」で復習(クラス/宿題)

『いろどり』での文法学習は、はじめにインプットがあって、そこで使われている日本語の形や意味に注目し、自分で考えてルールを発見するというプロセスを重視しています。そのため、次の例のように、最初に文法だけを取り出して説明・練習してから活動に入るという進め方は、よくない使い方です<例4>。

<例4> **よくない使い方**の例

- ・ 文法を導入する
- ・ 「文法ノート」で説明する(クラス/予習)
- ・ 「文法ワークシート」で練習する(クラス/予習)
- ・ 活動に入る

- ・ ことばの準備
- ・ (会話例を)聞く/読む
- ・ 形に注目
- ・ (話す練習をする)

また、「文法ワークシート」は、『いろどり』の Can-do を達成するために必要な文法項目を練習するための補助教材ですので、「文法ワークシート」だけを勉強するのは意味がありません。必ず『いろどり』といっしょに使ってください。実際の生活場面で、自分の言いたいことを話したり、必要なことを聞いたりなど、本当のコミュニケーションができるようになるには、『いろどり』でのコミュニケーション練習が必要です。

Cách sử dụng bài tập ngữ pháp giáo trình "IRODORI Tiếng Nhật trong đời sống"

IRODORI: Tiếng Nhật trong đời sống là giáo trình giảng dạy nhằm giúp người nước ngoài sinh sống tại Nhật, những người muốn đến và sinh sống tại Nhật Bản có thể trang bị năng lực giao tiếp tiếng Nhật cơ bản trong cuộc sống hàng ngày. Kể từ khi được phát hành vào năm 2020, bộ giáo trình này đã được sử dụng rộng rãi trên khắp thế giới.

Khi giảng dạy giáo trình IRODORI, nhiều giáo viên bày tỏ mong muốn có những bài tập giúp luyện tập, củng cố kiến thức ngữ pháp. Vì khi nói, viết tiếng Nhật, có một số mẫu ngữ pháp mà người học không thể sử dụng đúng. Vì lý do này, sẽ tốt hơn nếu có các bài tập giúp người học có thể luyện tập sử dụng ngữ pháp chính xác, thông qua các câu luyện tập mẫu, đặc biệt là các tài liệu có thể phát trong lớp để mọi người cùng sử dụng.

"Bài tập ngữ pháp" đã được tạo ra để đáp ứng những mong muốn này. Trước đây, vì giáo trình IRODORI chưa có sách bài tập nên chúng tôi đã đề xuất việc luyện tập bổ sung bằng cách sử dụng cuốn "Rikai-Hiểu biết ngôn ngữ" của bộ giáo trình Marugoto hoặc các tài liệu giảng dạy khác khi cần thiết. Bây giờ, "Bài tập ngữ pháp" cho phép người học có thể luyện tập ngữ pháp theo ngữ cảnh của các chủ đề, Can-do trong giáo trình IRODORI.

Dưới đây là giải thích, lưu ý và các bước sử dụng "Bài tập ngữ pháp" một cách hiệu quả.

● Mục ngữ pháp

Các đầu mục ngữ pháp trong "Bài tập ngữ pháp" được hiển thị dựa trên Chú ý cấu trúc ngữ pháp trong giáo trình IRODORI. Các số ①②... trong "Bài tập ngữ pháp" được đánh số giống với các mục ①②... trong phần "Chú thích ngữ pháp".

● Luyện tập

Có bài tập【練習】(Luyện tập) cho từng cấu trúc ngữ pháp.【練習】là bài tập để luyện tập, củng cố kiến thức ngữ pháp bằng cách liên kết với những ngữ pháp của chủ đề, mục tiêu Can-do của bài học. Luyện tập chú trọng vào cấu trúc để người học có thể sử dụng trôi chảy và chính xác các cấu trúc ngữ pháp. Người học có thể in ra và viết trên giấy hoặc luyện tập bằng cách nói.

Những bài tập luyện tập này giúp người học đạt được Can-do ở từng chủ đề của bài học trong giáo trình IRODORI. Do đó, giáo viên không nên thêm vào các bài tập không liên quan đến chủ đề và Can-do, cũng như không nên yêu cầu người học đặt câu cho các tình huống không liên quan đến chủ đề hoặc Can-do.

● Hệ thống

《整理》 là mục tổng hợp và luyện tập các cấu trúc ngữ pháp trong ngữ cảnh khác với chủ đề và Can-do của bài học để luyện tập cấu trúc ngữ pháp,... Bao gồm cấu tạo của ngữ pháp và phân biệt cách sử dụng mẫu câu, cách diễn đạt khác nhau tùy thuộc vào tình huống khác nhau.

Cách sử dụng bài tập ngữ pháp

● Cách tiến hành (Sử dụng "Bài tập ngữ pháp" khi nào?)

Phương pháp học ngữ pháp trong giáo trình IRODORI là trước tiên người học tiếp nhận thông tin bằng cách nghe hoặc viết, tiếp đến sẽ nghe và điền vào chỗ trống gạch chân trong "Chú ý cấu trúc ngữ pháp" và chú ý đến ngữ pháp đó. Sau đó, người học vừa trả lời câu hỏi trong **❶** vừa tự mình suy nghĩ về mẫu câu, ý nghĩa và cách sử dụng của cấu trúc ngữ pháp, đồng thời tự mình phát hiện ra quy tắc của tiếng Nhật. Cuối cùng, người học sẽ tự kiểm tra lại kiến thức bằng cách tự đọc trong "Chú thích ngữ pháp" hoặc nghe giáo viên giải thích.

Sau khi xác nhận kiến thức bằng giải thích trong "Chú thích ngữ pháp", người học có thể sử dụng "Bài tập ngữ pháp" như một dạng luyện tập để tự mình tạo câu bằng cách sử dụng các ngữ pháp và sắp xếp lại những kiến thức của mình. Trong các hoạt động "nói", trước tiên người học sẽ xác nhận xem mình đã có thể tạo câu bằng ngữ pháp hay chưa, sau đó sẽ tiến tới các hoạt động luyện nói như nói đuổi, đóng vai hội thoại <Ví dụ 1>.

<Ví dụ 1>

- Xác nhận Can-do
- Chuẩn bị từ vựng
- Nghe/đọc (hội thoại mẫu)
- Chú ý cấu trúc ngữ pháp
 - ↓ Điền từ vào chỗ trống gạch chân, chú ý đến mẫu câu hoặc cách diễn đạt
 - ↓ Suy nghĩ về ý nghĩa và cách sử dụng mẫu câu, cách diễn đạt
 - ↓ Đọc giải thích trong phần "Chú thích ngữ pháp" để xác nhận
 - ↓ Luyện tập củng cố ngữ pháp bằng "Bài tập ngữ pháp"
- (Luyện nói)
- Kiểm tra can-do

Ngoài ra, người học cũng có thể sử dụng "Bài tập ngữ pháp" như là một dạng tập sau khi hoàn thành một hoạt động trong bài <Ví dụ 2>. Có thể cùng thực hành tại lớp hoặc làm bài tập về nhà.

<Ví dụ 2>

Bài X, hoạt động 1

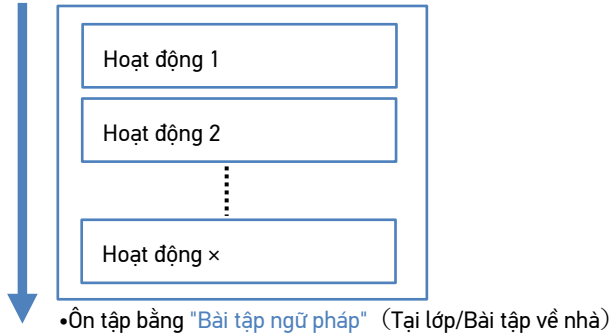
- Xác nhận Can-do
 - Chuẩn bị từ vựng
 - Nghe/đọc hội thoại mẫu
 - Chú ý cấu trúc ngữ pháp
 - (Luyện nói)
 - Kiểm tra Can-do
- Ôn tập bằng "Bài tập ngữ pháp"
(Tại lớp/bài tập về nhà)

Bài X, hoạt động 2

- Xác nhận Can-do
 - Chuẩn bị từ vựng
 - Nghe/đọc hội thoại mẫu
 - Chú ý cấu trúc ngữ pháp
 - (Luyện nói)
 - Kiểm tra Can-do
- Ôn tập bằng "Bài tập ngữ pháp"
(Tại lớp/bài tập về nhà)

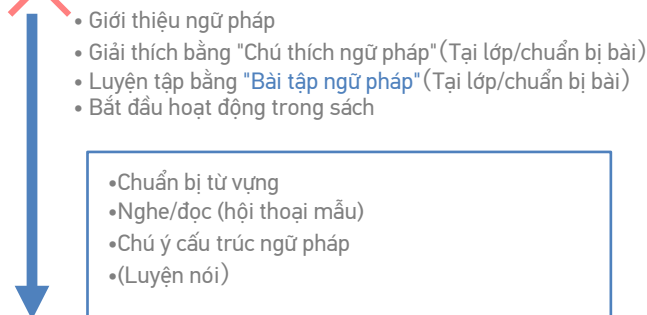
Có thể ôn tập theo bài <Ví dụ 3>.

<Ví dụ 3>
Bài X



Việc học ngữ pháp bằng giáo trình IRODORI chú trọng theo quá trình trước hết là tiếp nhận kiến thức bằng việc nghe, đọc, sau đó sẽ chú ý đến cấu trúc và ý nghĩa của tiếng Nhật được sử dụng trong bài, đồng thời tự mình suy nghĩ và phát hiện quy tắc. Do đó, sẽ không hiệu quả nếu bắt đầu bằng việc giải thích và luyện tập ngữ pháp trước khi chuyển sang các hoạt động trong sách, như trong dưới đây <Ví dụ 4>.

X <Ví dụ 4> Ví dụ cách sử dụng không hiệu quả



"Bài tập ngữ pháp" là tài liệu bổ sung giúp luyện tập các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để đạt được Can-do trong giáo trình IRODORI, vì vậy sẽ không có ý nghĩa nếu chỉ học riêng "Bài tập ngữ pháp". Hãy chắc chắn sử dụng "Bài tập ngữ pháp" cùng với giáo trình IRODORI. Để giao tiếp trong các tình huống thực tế, chẳng hạn như nói những điều bạn muốn nói và hỏi những điều bạn cần biết, thì việc luyện tập giao tiếp bằng IRODORI là điều cần thiết.

ぶんぽう かいとう にゅうもん
文法ワークシート【解答】（入門）

だい か ねが
第3課 「よろしくお願ひします」

- ① 1.A:です B:です C:は です 2.A:です B:です 3.(自分の名前)です
② 1.ミャンマーから来ました 2.タイから来ました 3.インドネシアから来ました 4.韓国から来ました
5.カンボジアから来ました 6.ブラジルから来ました 7.(自分の国)から来ました
③ 1.B:ケマラです B:カンボジアから来ました 2.B:インドネシアです C:ミャンマーから来ました
④ 1.タイからですか 2.田中さんですか 3.わかりますか
⑤ 1.A:は C:も 2.A:は A:から C:も A:も D:は
⑥ 1.B:ミャンマーじゃないです 2.B:ベトナムじゃないです C:タイじゃないです 3.B:田中じゃないです
4.A:アニタじゃないです

だい か どうきょう す
第4課 「東京に住んでいます」

- ① 1.A:バトさんとミロさんです 2.B:父と母と妹と犬のハチです
② 1.B:87歳です 2.B:インドネシアから来ました 3.B:4歳です 4.B:弟です 5.B:8歳です
③ 1.B:日本に住んでいます C:東京に住んでいます 2.A:どこに住んでいます B:ブラジルに住んでいます
3.B:東京に住んでいます A:東京に住んでいます C:横浜に住んでいます
④ 1.B:兄の子どもです 2.B:弟の恋人です 3.B:友だちのバトさんです 4.B:妹のタンです
5.B:ペットのロッキーです

だい か す
第5課 「うどんが好きです」

- ① 1.B:は 好きじゃないです B:が 好きです 2.B:が 好きです B:は 好きじゃないです
3.B:好きです B:も 好きです 4.B:は 好きじゃないです B:が 好きです
5.B:は 好きじゃないです B:も 好きじゃないです
② 1.B:梅干しはちょっと… 2.B:わさびはちょっと… 3.B:お酒はちょっと… 4.B:すしはちょっと…
5.B:コーヒーはちょっと…
③ 1.ビール、飲みますか? / ビール、飲む? 2.ラーメン、食べますか? / ラーメン、食べる?
3.ジュース、飲みますか? / ジュース、飲む? 4.ヨーグルト、食べますか? / ヨーグルト、食べる?
5.コーヒー、飲みますか? / コーヒー、飲む?
④ 1.B:ご飯と梅干しを食べます 2.B:パンを食べます。コーヒーを飲みます
3.B:ヨーグルトを食べます。トマトジュースを飲みます 4.B:サラダを食べます。スープを飲みます
5.B:シリアルと果物を食べます
⑤ 1.b, f 2.c, d 3.h 4.g 5.a, d
⑥ 【解答例】
1.いつもシリアルを食べます。ご飯はあまり食べません 2.いつもご飯を食べます。みそ汁を飲みます / ご飯とみそ汁です
3.パンと果物とヨーグルトをよく食べます 4.朝ご飯はあまり食べません。牛乳を飲みます
5.朝ご飯は食べません / 食べません。水を飲みます

だい 6 課 「チーズバーガーください」

- ① 1.B:これ、お願いします／ください 2.B:コーヒー、お願いします／ください B:ホット、お願いします／ください
 3.B:チーズバーガーとてりやきバーガー、お願いします／ください
 4.B:ダブルバーガーのセット、お願いします／ください B:オレンジジュース、お願いします／ください
 5.B:フライドポテト、お願いします／ください B:Lサイズ、お願いします／ください
- ② 1.B:うどんにします 2.B:生ビールにします 3.B:牛丼にします 4.B:天ぷらにします A:刺身にします
 5.B:ウーロン茶にします C:アイスコーヒーにします
- ③ 1.ウーロン茶4つ(と)、カルピス1つ、お願いします／ください
 2.お酒2つ(と)、唐揚げ2つ(と)、枝豆1つ、お願いします／ください
 3.生ビール5つ(と)、お酒1つ(と)、刺身1つ(と)、焼き鳥3つ、お願いします／ください
 4.生ビール6つ(と)、レモンハイ3つ(と)、コーラ1つ(と)、焼き鳥5つ、お願いします／ください
 5.水7つ、お願いします／ください
- ④ 1.A:おしぼり、ありますか 2.A:スプーン、ありますか 3.A:おはし、ありますか
 4.B:ケチャップ、ありますか 5.A:取り皿、ありますか

だい 7 課 「部屋が4つあります」

- ① 1.ここはトイレです 2.ここは台所です 3.ここはリビングです
 4.ここはお風呂です 5.ここは私の部屋です
- ② 1.1階に台所があります 2.部屋に机とイスがあります 3.リビングにテレビが2つあります
 4.台所に冷蔵庫が1つと電子レンジが2つあります 5.食堂にテーブルが4つとイスが8つあります
- ③ 1.B:はい、あります 2.B:Wi-Fiは、ありません／ないです
 3.B:エアコンは、ありません／ないです 4.B:炊飯器はありません／ないです B:(電子レンジ)はあります
 5.B:はい、あります B:ふとんは、ありません／ないです
- ④ 1.B:静かです 2.B:きたないです
 3.B:新しいです きれいです 4.B:古いです 広いです
- ⑤ 1.B:大きくないです 小さいです 2.B:新しくないです 古いです
 3.B:きれいじゃないです きたないです 4.B:静かじゃないです うるさいです

せいり
 <<整理>>

大きい	大きいです	大きくないです
小さい	小さいです	小さくないです
新しい	新しいです	新しくないです
古い	古いです	古くないです
広い	広いです	広くないです
せまい	せまいです	せまくないです
静か(な)	静かです	静かじゃないです
うるさい	うるさいです	うるさくないです
きれい(な)	きれいです	きれいじゃないです
きたない	きたないです	きたなくないです

だい 8 課 「山田さんはどこにいますか？」

- ① 1. 食堂しょくどうで、ご飯ごはんを食たべます 2. 給湯室きゅうとうしつで、コーヒーをいれま
す 3. 会議室かいぎしつで、打うち合あわせをしま
す
- ② 1. アマンダさんは倉庫そうこにいま
す 2. 金子かねこさんは給湯室きゅうとうしつにいま
す 3. アナさんは喫煙所きつえんじよにいま
す
- ③ 1. B: いませんね。／いないですね。 たぶん、倉庫そうこにいま
す
2. B: いませんね。／いないですね。 たぶん、食堂しょくどうにいま
す
3. B: いませんね。／いないですね。 たぶん、トイレにいま
す
4. B: いませんね。／いないですね。 たぶん、2階かいにいま
す
5. B: いませんね。／いないですね。 たぶん、応接室おうせつしつにいま
す
- ④ 1. B: ガムテープは、そこにありま
す 2. B: FAXは、あそこにあ
りま
す 3. B: ごみ箱ぼこは、そこにありま
す
4. B: コピー機きは、あそこにあ
りま
す 5. B: のりは、ここにありま
す
- ⑤ 1. B: はさみは、引き出しの中ひだなかにありま
す 2. B: FAXは、コピー機ファックスの横きよこにありま
す 3. B: のりは、箱ぼこの中なかにありま
す
4. B: ごみ箱ぼこは、テーブルしたの下したにありま
す 5. B: 電子レンジでんしは、冷蔵庫れいぞうこの上うえにありま
す

せいり
《整理》

1. に あります 2. の に あります 3. に います
4. に あります で 5. に が あります で 6. に あります が／は
7. に います 8. A: に あります B: の に あります 9. A: に います B: に います

だい 9 課 「12時から1時まで昼休みです」

- ① 【練習1】
1. 12時じです 2. 6時じです 3. 3時じです 4. 11時30分じさんじゅうぶんです／11時半じはんです
5. 4時じです 6. 7時30分しちさんじゅうぶんです／7時半しちじはんです 7. 2時45分じふんです 8. 5時30分ごさんじゅうぶんです／5時半じはんです
9. 9時15分くじふんです 10. 10時30分じゅうさんじゅうぶん／10時半じはんです

れんしゅう
【練習2】

1. 夜11時よるじに寝ねます。朝8時あさじに起おきます
2. 夜9時よるくじごろ寝ねます。朝7時あさしちじごろ起おきます
3. 夜10時半よるじはんに寝ねます。朝7時半あさしちじはんに起おきます
4. 夜1時よるじに寝ねます。朝10時あさじに起おきます
5. 夜9時半よるくじはんごろ寝ねます。朝6時あさじごろ起おきます
6. 夜10時よるじごろ寝ねます。朝7時15分あさしちじふんに起おきます
7. 夜12時半よるじはんごろ寝ねます。朝8時45分あさじふんに起おきます
- ② 1. B: 12時じから1時じまでです 2. B: 3時じから4時よじまでです 3. B: 5時半じはんまでです
4. B: 9時15分くじふんからです 5. B: 12時15分じふんから1時45分じふんまでです 6. B: 2時半じはんから3時じまでです
7. B: 5時45分じふんまでです
- ③ 1. B: が いいです A: は だめです／は、ちょっと… が いいです
B: は だめです／は、ちょっと… B: は だいじょうぶです
2. B: が いいです C: は だめです／は、ちょっと…
C: だいじょうぶです B: は だめです／は、ちょっと…
C: だいじょうぶです A: だいじょうぶです

第10課 「ホチキス貸してください」

- ① 1.e 2.f 3.j 4.d
 5.l 6.k 7.c 8.g
 9.h 10.b 11.i
- ② 1.B:4つですね 2.B:何時ですか 3.B:50枚ですね 4.B:いくつですか
 5.B:何時ですか B:6時半ですね
- ③ 1.A:ホチキス、貸してください 2.A:ペン、貸してください 3.A:電卓、借りてもいいですか
 4.A:カッター、借りてもいいですか 5.A:えんぴつ、いいですか 6.A:のり、いいですか
 7.A:ふせん、ありますか 8.A:スマホの充電器、ありますか

第11課 「どんなマンガが好きですか？」

- ① 1.A:なに 2.A:なん 3.A:なに 4.A:なん 5.A:なん 6.A:なん 7.A:なに
- ② 1.A:どんな音楽が好きですか 2.A:どんな本が好きですか 3.A:どんな食べ物が好きですか
 4.A:どんなマンガが好きですか 5.A:どんなスポーツが好きですか
- ③ 1.B:いえ、ぜんぜん好きじゃないです 2.B:はい、とても好きです／大好きです
 3.B:いえ、あまり好きじゃないです 4.B:いえ、ぜんぜん好きじゃないです
 5.B:はい、とても好きです／大好きです
- ④ 1.サッカー > ラグビー > テニス 2.クラシック > ジャズ > ロック
 3.アニメ > 恋愛映画 > ホラー 4.ゆっくり > 買い物 > 洗濯と掃除
- ⑤ 1.で 2.と 3.と 4.で 5.で 6.で 7.で

第12課 「いっしょに飲みに行きませんか？」

- ① 1.A:に／× で が 2.A:× が B:で 3.A:×／に で が
 4.B:× A:× 5.A:× が B:で B:に A:に

《整理》

- 1.に 2.に 3.で 4.に 5.で 6.に
- ② 1.散歩に行きます 2.映画に行きます 3.忘年会に行きます
 4.タイフェスティバルに行きます 5.交流パーティーに行きます
- ③ 1.ご飯を食べませんか 2.ハイキングに行きませんか 3.サッカーをしませんか
 4.見ませんか 5.勉強しませんか
- ④ 1.今晚、いっしょにご飯を食べましょう 2.みんなで ハイキングに行きましょう
 3.今度、公園でいっしょにサッカーをしましょう 4.『スターウォーズ』を見ましょう
 5.日曜日、うちでいっしょに勉強しましょう
- ⑤ 1.焼肉を食べに行きませんか 2.音楽を聞きに行きませんか 3.(お酒)を飲みに行きませんか
 4.ご飯を食べに行きませんか 5.泳ぎに行きませんか 6.空手の試合を見に行きませんか

だい 13 課 「このバスは空港に行きますか？」

- ① 1.このバスは、市民病院に行きますか 2.この電車は、浦田駅に行きますか
 3.このバスは、みなとモールに行きますか 4.この船は、黒島に行きますか
 5.この電車は、新宿に行きますか
- 《整理》
 (2 , 10) (4 , 8) (5 , 7) (6 , 9)
- ② 1.A:ここ どこ 2.A:ここ 3.A:次 どこ 4.A:次 5.ここ どこ
- ③ 1.B:バイクで来ます 2.B:自転車^{じてんしゃ}で来ます 3.B:歩いて来ます
 4.B:車^{くるま}で行きます 5.B:電車^{でんしゃ}とバスで行きます
- ④ 1.A:家から学校まで、どのぐらいかかりますか B:自転車^{じてんしゃ}で10分です/自転車^{じてんしゃ}で10分かかります
 2.A:ここからマリンシティまで、どのぐらいかかりますか B:バス^{よんじゅうぶん}で40分です/バス^{よんじゅうぶん}で40分かかります
 3.A:ここから黒島まで、どのぐらいかかりますか B:船^{ふね}で25分です/船^{ふね}で25分かかります
 4.A:日本^{にほん}からフィリピンまで、どのぐらいかかりますか
 B:飛行機^{ひこうき}で4時間5分です/飛行機^{ひこうき}で4時間5分かかります/
 飛行機^{ひこうき}で4時間ぐらいです/飛行機^{ひこうき}で4時間ぐらいかかります
 5.A:家^{いえ}から会社^{かいしゃ}まで、どのぐらいかかりますか
 B:バイク^{バイク}で18分、歩いて38分です/バイク^{バイク}で18分、歩いて38分かかります/
 バイク^{バイク}で20分ぐらい、歩いて40分ぐらいです/バイク^{バイク}で20分ぐらい、歩いて40分ぐらいかかります。
- ⑤ 1.で に で を 2.で に 3.で に で を に 4.で を
 5.で に で を に で を に で
- ⑥ 1.A:ここから市民病院^{しみんびょういん}まで、どうやって/何^{なに}で行きますか B:15番^{ばん}のバス^いで行きます
 2.A:東京^{とうきょう}から大阪^{おおさか}まで、どうやって/何^{なに}で行きますか B:飛行機^{ひこうき}で行きます
 3.A:マリンシティからおやしお市場^{いちば}まで、どのぐらいかかりますか B:タクシー^{たふし}で5分かかります
 4.A:家^{いえ}から会社^{かいしゃ}まで、どのぐらいかかりますか B:電車^{でんしゃ}とバス^{じかん}で1時間半^{はん}かかります

だい 14 課 「大きな建物ですね」

- ① 1.この近くにトイレはありますか/トイレはどこにありますか/トイレはどこですか
 2.この近くにコンビニはありますか/コンビニはどこにありますか/コンビニはどこですか
 3.この近くに喫煙所^{きつえんじょ}はありますか/喫煙所^{きつえんじょ}はどこにありますか/喫煙所^{きつえんじょ}はどこですか
 4.この近くにコインロッカーはありますか/コインロッカーはどこにありますか/コインロッカーはどこですか
 5.この近くに自動販売機^{じどうはんばいき}はありますか/自動販売機^{じどうはんばいき}はどこにありますか/自動販売機^{じどうはんばいき}はどこですか
- ② 1.前^{まえ} 2.下^{した} 3.中^{なか} 4.横^{よこ} 5.後ろ^{うしろ}
- ③ 1.古い^{ふる}お寺^{てら}ですね 2.にぎやかな商店街^{しょうてんがい}ですね 3.静かな^{しず}部屋^{へや}ですね
 4.大きい^{おお}ビル^{おお}ですね/大きなビル^{おお}ですね 5.小さい^{ちい}野球場^{やきゅうじょう}ですね/小さな野球場^{ちい}ですね

せいろ
《整理》

ナA-です イA-いです	ナA-な N イA-い N	ナA-じゃないです イA-くないです
ひろ 広いです	ひろ 広い 公園	ひろ 広くないです
にぎやかです	にぎやかな 通り	にぎやかじゃないです
せまいです	せまい 部屋	せまくないです
あたら 新しいです	あたら 新しい 家	あたら 新しくないです
ふる 古いです	ふる 古い お寺	ふる 古くないです
きれいです	きれいな 水	きれいじゃないです
きたないです	きたない 水	きたなくないです
たか 高いです	たか 高い ビル	たか 高くないです
ひく 低いです	ひく 低い ビル	ひく 低くないです
しず 静かです	しず 静かな 公園	しず 静かじゃないです
うるさいです	うるさい 居酒屋	うるさくないです
ゆうめい 有名です	ゆうめい 有名な お寺	ゆうめい 有名じゃないです
おお 大きいです	おお 大きい/大きな 建物	おお 大きくないです
ちい 小さいです	ちい 小さい/小さな 建物	ちい 小さくないです
いいです	いい 家	よくないです

だい
第15課 「電池がほしいんですが…」

- ①
- 1.A: ココナッツミルクがほしいんですが、どこで買えますか B: に
 - 2.A: 延長コードがほしいんですが、どこで買えますか B: で
 - 3.A: 洗濯バサミがほしいんですが、どこで買えますか B: で
 - 4.A: スマホケースがほしいんですが、どこで買えますか B: に
 - 5.A: ダンベルがほしいんですが、どこで買えますか B: で
 - 6.A: 浴衣がほしいんですが、どこで買えますか B: に
- ②
1. この帽子、かっこいいですね。/ この帽子、かっこいい!
 2. このジャケット、高いですね。/ このジャケット、高い!
 3. このワンピース、きれいですね。/ このワンピース、きれい!
 4. このネクタイ、おしゃれですね。/ このネクタイ、おしゃれ!
 5. このくつ下、かわいいですね。/ このくつ下、かわいい!
 6. この帽子、変ですね。/ この帽子、変!
 7. このくつ、すてきですね。/ このくつ、すてき!
 8. このコート、安いですね。/ このコート、安い!

だい 16 課 「これ、いくらですか？」

- ① 1.A:あれ、いくらですか? B:にせん さんびゃく えん 円です
 2.A:それ、いくらですか? B:ごせん ろっぴゃく よんじゅう えん 円です
 3.A:あれ、いくらですか? B:いちまん きゅうせん はっぴゃく えん 円です
 4.A:それ、いくらですか? B:ごじゅう ご えん 円です
 5.A:これ、いくらですか? B:さんぜん ひゃく よんじゅう えん 円です
- ② 1.A:あの B:あれ 2.A:その B:これ 3.B:あそこ
 4.A:それ B:これ B:この 5.A:この B:これ 6.B:ここ B:この
- ③ 1.コロッケ4つと、ひき肉200g、ください/お願いします
 2.カレーと牛丼、2つずつください/お願いします
 3.ラーメン3つと、シュウマイ12個、ください/お願いします
 4.生ビール5つと、枝豆2つ、ください/お願いします
 5.梅と、たらこ、昆布、2つずつください/お願いします
 6.グラスと、おはし、4つずつください/お願いします

だい 17 課 「映画を見に行きました」

- ① 1.公園で運動しました 2.昼まで寝ました 3.本は読みませんでした
 4.家でごろごろしました 5.音楽を聞きました 6.電車に乗りませんでした
 7.友達と飲みに行きました 8.洗濯はしませんでした 9.佐藤さんはさくらモールにいました
 10.焼肉は食べませんでした
- ② 1.A:何を B:何も 2.A:何を B:何も 3.A:何を B:何も 4.A:どこに B:どこにも
- ③ 1.A:楽しかったです 2.B:にぎやかでした 3.B:まあまあでした 4.A:すばらしかったです
 5.きれいでした 6.高かったです 7.大きかったです 8.大変でした
 9.A:きたなかったです 10.B:気持ちよかったです
- 《整理》
- 1.A:どのぐらい 2.A:いくら 3.A:どんな 4.A:何
 5.A:どうやって/何で 6.A:どこ 7.A:いつ 8.B:いくつ
 ④ 1.母の誕生日でした 2.休みでした 3.うどんでした 4.夏祭りでした
 5.とても大きな建物でした
- ⑤ 1.B:おもしろくありませんでした 2.B:大変じゃありませんでした 3.B:楽しくありませんでした
 4.B:元気がありませんでした 5.B:高くないです

せいろ
《整理》

ひ かこ 非過去 phi quá khứ こうてい 肯定 khẳng định	ひ かこ 非過去 phi quá khứ ひてい 否定 phủ định	かこ 過去 quá khứ こうてい 肯定 khẳng định	かこ 過去 quá khứ ひてい 否定 phủ định
おもしろいです	おもしろくないです	おもしろかったです	おもしろくありませんでした
静かです	静かじゃないです	静かでした	静かじゃありませんでした
楽しいです	楽しくないです	楽しかったです	楽しくありませんでした
きれいです	きれいじゃないです	きれいでした	きれいじゃありませんでした
かわいいです	かわいくないです	かわいかったです	かわいじゃありませんでした
大きいです	大きくないです	大きかったです	大きくありませんでした
高いです	高くないです	高かったです	高くありませんでした
休みです	休みじゃないです	休みでした	休みじゃありませんでした
変です	変じゃないです	変でした	変じゃありませんでした
雨です	雨じゃないです	雨でした	雨じゃありませんでした
つまらないです	つまらなくないです	つまらなかったです	つまらなくありませんでした
有名です	有名じゃないです	有名でした	有名じゃありませんでした
いいです	よくないです	よかったです	よくありませんでした

だい 18 課 「温泉に入りたいです」

- ① 1. 温泉に入りたいです 2. 家でゆっくりしたいです 3. ビールが／を飲みたいです
 4. コンサートに行きたいです 5. 旅行したいです 6. 友だちに会いに行きたいです
 7. 雪が／を見たいです 8. 富士山に登りたいです 9. 10時まで寝たいです
 10. 炊飯器が／を買いたいです
- ② 1. A: どこか B: どこにも 2. A: どこに 3. A: どこか B: どこに
 4. A: どこにも 5. B: どこに
- ③ 1. B: ディズニーランドに行きたいです。あと、富士山に登りたいです。
 2. B: 露天風呂に入りたいです。あと、おいしい料理が／を食べたいです。
 3. B: 映画が／を見たいです。あと、買い物に(も)行きたいです。
 4. B: ラーメンが／を食べたいです。あと、焼き鳥も食べたいです。
 5. B: 広島へ行きたいです。あと、京都(へ)も行きたいです。
- ④ 1.に 2.に に 3.で に 4.へ／に で 5.に
 6.へ／に 7.に 8.で を 9.へ／に が／を 10.も
- ⑤ 1. 露天風呂に入りました。それから、おいしい料理を食べました。
 2. ディズニーランドに行きました。それから、富士山に登りました。
 3. 寺に行きました。それから、お土産を買いました。
 4. ジムで運動しました。それから、オーケストラのコンサートに行きました。
 5. 水族館に行きました。それから、海で泳ぎました。
- ⑥ 1.でも 2.それに 3.でも 4.それに 5.でも

ぶんぽう
文法ワークシート【解答】 (初級1)

だい か
第1課 「レストランで働いています」

- ① 1. 久しぶり 2. おはよう 3. お元気ですか? / 元気? 4. お元気ですか? 5. ありがとうございます

せいらい
《整理》

1. お元気ですか 2. おはようございます 3. どうもありがとうございます
4. ミロさんは、何歳ですか 5. コーヒー、飲みますか 6. 日本の食べ物、何が好きですか
7. 家はどうですか 8. 隣の部屋、片付けてください 9. カッターは、ここにありませんよ
10. スポーツは、ぜんぜんしませんね / ぜんぜんしないですね

- ② 1. 10年になります 2. 1か月になります 3. 4年になります 4. 10か月になります 5. 6か月になります

- ③ 1. 先月、来ました 2. 先週の土曜日に来ました 3. 7月に来ました 4. 先月の14日に来ました

5. 昨日、来ました

- ④ 1. 工場で働いています 2. 建設の仕事をしています 3. 日本語学校で勉強しています
4. 介護の仕事をしています 5. 専門学校に通っています 6. ホテルで働いています
7. 野菜を作っています

せいらい
《整理1》

	thể từ điển じしよけい 辞書形	thể テ てけい テ形	
1 グループ	-う	-って	かよ → 通って
	-つ		まつ → 待って
	-る		つく → 作って
	-ぶ	-んで	あそぶ → 遊んで
-む	の飲む → 飲んで		
-ぬ	し死ぬ → 死んで		
2 グループ	-く	-いて	はたら働く → 働いて
	-ぐ	-いで	い行く → 行つて (ngoại lệ 例外) およ泳ぐ → 泳いで
	-す	-して	はな話す → 話して
3 グループ	する くる	biến đổi bất quy tắc ふきそく かつよう 不規則活用	する → して くる → 来て

せいらい
《整理2》

1. 聞いて 2. 掃除して 3. 買って 4. 寝て 5. 使つて 6. 着いて
7. 脱いで 8. 貸して 9. 読んで 10. 乗つて 11. 降りて 12. 旅行して
13. 起きて 14. あつて 15. いて

だい 2 課 「ゲームをするのが好きです」

- ① 1.料理をすることです 2.写真を撮ることです 3.ゲームをすることです
 4.本を読むことです 5.旅行をすることです 6.音楽を聞くことです
 7.テニスをすることです 8.寝ることです 9.おいしいものを食べることです
 10.おしゃべりをすることです 11.ピアノ/ギターを弾くことです
- ② 1.音楽を聞くのが好きです 2.料理をするのは、あまり好きじゃないです
 3.お酒を飲むのが好きです 4.うちでごろごろするのが好きです
 5.飛行機に乗るのは、あまり好きじゃないです 6.テレビを見るのは、あまり好きじゃないです
 7.1人で勉強するのが好きです 8.温泉に入るのは、あまり好きじゃないです
- ③ 1.母と買い物に行きます 2.ジムで運動します 3.ディズニーランドでお土産を買います
 4.夫と飲みに行きます 5.会社の人と海でバーベキューをします 6.食堂で田中さんとご飯を食べます
 7.家で恋人と映画を見ます 8.子どもと公園でキャッチボールをします
- ④ 1.毎日、10時までテレビを見て、そのあと、寝ます。
 2.日曜日、部屋を掃除して、そのあと、うちでゆっくりします。
 3.横浜で、船に乗って、そのあと、ランドマークタワーにのぼりました。
 4.昨日、映画を見て、そのあと、買い物をしました。
 5.富士山に登って、そのあと、温泉に入りたいです。
- ⑤ 1.体育館でバドミントンをしています 2.音楽を聞いています 3.ベッドでごろごろしています
 4.ピアノを習っています 5.野菜ジュースを飲んでます
- ⑥ 会話1 B:英語とフィリピン語ができます ス페인語も少しできます A:日本語と中国語ができます
 会話2 A:インドネシア語ができますか B:少しできます B:英語(と)、タイ語(と)、ベトナム語ができます
 B:ミャンマー語も少しできます A:インドネシア語(と)、英語(と)、日本語ができます

だい 3 課 「冬はとて寒くなります」

- ① 1.休みになります 2.うるさくなります 3.にぎやかになります 4.すずしくなります
 5.おいしくなります 6.きれいになります 7.とて寒くなります 8.マイナス 10度になります
- ② 1.この桜がいちばん有名です 2.8月がいちばん暑いです 3.もみじがいちばんきれいです
 4.秋が、いちばん果物がおいしいです/果物がいちばんおいしいです 5.この梨がいちばん大きいです
 6.雪の季節がいちばん大変です 7.12月が、いちばん昼が短いです/いちばん昼が短いです
- ③ 1.暖かいのが好きです 2.暑いのが苦手です 3.すずしいのが好きです 4.蒸し暑いのが苦手です
- ④ 1.春がいちばん好きです。桜がきれいですから。 2.夏がいちばん好きです。暑いのが好きですから。
 3.夏がいちばん好きです。海で遊ぶのが楽しいですから。 4.秋がいちばん好きです。すずしいですから。
 5.冬がいちばん好きです。雪の景色がきれいですから。 6.冬がいちばん好きです。温泉が気持ちいいですから。
- ⑤ 1.暑いのが苦手ですから、夏は好きじゃないです。 2.学校が休みですから、夏がいちばん好きです。
 3.暖かくなりますから、春が好きです。 4.雨がたくさん降りますから、梅雨が苦手です。
 5.山に登るのが趣味ですから、夏が大好きです。 6.花がきれいですから、春と夏が好きです。
- ⑥ 1.と 2.や 3.と 4.と 5.や
- ⑦ 1.ぶどう 2.京都 3.桜 4.海山 5.うどん

だい 4 第4課 「昨日はすごい雨でしたね」

- ① 1.ね 2.× 3.ね 4.× 5.ね 6.ね 7.× 8.ね
- ② 1.咲きます 2.寒かったです 3.きれいでした 4.夏です 5.来ました 6.有名です 7.ずししかったです
- ③ 1.雨が降っています 2.風が吹いています 3.晴れています 4.雷が鳴っています 5.雪が降っています
- ④ 1.明日から、ずしくなるでしょう 2.今週は、ずっといい天気でしょう
3.7月は蒸し暑いでしょう 4.雨は、夜中にはやむでしょう
5.ゴールデンウィークの天気は、いまいちでしょう 6.午後から、強い雨が降るでしょう。雷も鳴るでしょう。

だい 5 第5課 「とてもにぎやかで便利です」

- ① 1.人が多くて、にぎやかです 2.人が親切で、住みやすいです 3.暑くて、大変です
4.静かで、景色がきれいです 5.食べ物がおいしくて、楽しいです 6.田舎で、不便です
- ② 1.この商店街は、小さいけど、有名です 2.あの店は、ちょっと高いけど、おしゃれです
3.ここは、ずしなくて、気持ちいいです 4.この町は、田舎だけど、楽しいです
5.南町スポーツセンターは、安いけど、せまいです 6.やしが浜は、静かで、景色もきれいです
7.花山公園は、有名だけど、とても遠いです 8.マリンモールは、大きくて、楽しいけど、うるさいです
- ③ 1.泳ぐことができます 2.1人で運動することができます
3.船に乗ることができます 4.いろいろなお土産を買うことができます
5.お寺をたくさん見ることができます 6.露天風呂に入ることができます
7.映画を見ることができます 8.町を見渡すことができます

だい 6 第6課 「郵便局はどう行ったらいいですか？」

- ① 1.郵便局はどこですか？ 郵便局は、どう行ったらいいですか？ 郵便局に行きたいんですが…。
2.市民病院はどこですか？ 市民病院は、どう行ったらいいですか？ 市民病院に行きたいんですが…。
3.小島高校はどこですか？ 小島高校は、どう行ったらいいですか？ 小島高校に行きたいんですが…。
4.須賀神社はどこですか？ 須賀神社は、どう行ったらいいですか？ 須賀神社に行きたいんですが…。
5.JF銀行はどこですか？ JF銀行は、どう行ったらいいですか？ JF銀行に行きたいんですが…。
6.展望台はどこですか？ 展望台は、どう行ったらいいですか？ 展望台に行きたいんですが…。
- ② 1.その信号を曲がって、まっすぐ行ってください
2.2つ目の信号を左に曲がって、1つ目の角を右に曲がってください
3.駅の前の道を渡って、銀行とコンビニの間の道をまっすぐ行ってください
4.この道をまっすぐ行って、橋を渡って、すぐ右に曲がってください
5.その信号を右に曲がって、まっすぐ行って、郵便局の角を左に入ってください
- ③ 1.A:左じゃなくて、右です 2.A:交番じゃなくて、公園です
3.A:黒いビルの4階じゃなくて、青いビルの3階です/黒いビルじゃなくて青いビルです。4階じゃなくて3階です
4.A:南口じゃなくて、東口です 5.A:須磨神社じゃなくて、須賀神社です

第7課 「道に迷ってちょっと遅れます」

- ① 1.B:6時半はどうですか 2.B:ホテルのロビーはどうですか
 3.B:17時はどうですか 4.B:14時はどうですか B:1階のエレベーターの前はどうですか
 5.B:10時に「平和の鳥」の像はどうですか
- ② 1.A:7時でもいいですか 2.B:博物館の入口でもいいですか
 3.A:北口でもいいですか 4.B:門の前でもいいですか B:17時半でもいいですか
 5.B:6時でもいいですか C:7時でもいいですか
- ③ 1.道に迷って 2.雪で 3.ねぼうして 4.台風で 5.時間をまちがえて

第8課 「野球、したことありますか？」

- ① 1.A:もう登りましたか B:登りました 2.A:もう買いましたか B:まだです
 3.A:もう乗りましたか B:まだです 4.A:もう食べましたか B:食べました
 5.A:もう見ましたか B:見ました 6.A:もう入りましたか B:まだです
 7.A:もう海で泳ぎましたか B:泳ぎました
- ② 1.牛丼を食べたことがありますか 2.富士山に登ったことがありますか
 3.パンダを見たことがありますか 4.船に乗ったことがありますか
 5.温泉に入ったことがありますか 6.京都に行ったことがありますか
 7.布団で寝たことがありますか 8.Suicaを使ったことがありますか
 9.町の人と日本語で話したことがありますか 10.クラシック音楽を聞いたことがありますか
 11.パチンコをしたことがありますか 12.村上春樹の本を読んだことがありますか

《整理1》

	thể từ điển じしよけい 辞書形	thể 夕 けい 夕形	
1 グループ	-う	-った	つか → 使った
	-つ		まつ → 待った
	-る		のぼる → 登った
	-ぶ	-んだ	あそぶ → 遊んだ
-む	よむ → 読んだ		
-ぬ	しぬ → 死んだ		
2 グループ	-く	-いた	きく → 聞いた
	-ぐ	-いだ	いく → 行った およぶ → 泳いだ
	-す	-した	はなす → 話した
3 グループ	-る	-た	みる → 見た たべる → 食べた
	する くる	biến đổi bất quy tắc ふきそく かつよう 不規則活用	する → した くる → 来た

(ngoài lệ 例外)

《整理2》

- 1.着いた 2.帰った 3.ねぼうした 4.あった 5.出かけた 6.写真を撮った
 7.住んだ 8.いた 9.脱いだ 10.雨が降った 11.貸した 12.習った
 13.休んだ 14.慣れた 15.案内した

- ③ 1.パンダを見に行きませんか 2.映画を見に行きませんか 3.コンサートを聞きに行きませんか
 4.焼肉を食べに行きませんか 5.飲みに行きませんか 6.お風呂に入りに行きませんか
 7.お土産を買いに行きませんか 8.いけばなを習いに行きませんか
- ④ 1.学校のあとで 2.映画の前に 3.コンサートの前に 4.動物園のあとで 5.お風呂のあとで
 6.仕事の前に
- ⑤ 1.休みたいんですが 2.おろしたいんですが 3.行きたいんですが 4.習いたいんですが
 5.帰りたいんですが 6.読みたいんですが 7.食べたいんですが 8.旅行したいんですが

第9課 「読み方を教えてください」

- ① 1.高校で勉強しました 2.アニメで勉強しました 3.アプリで勉強しました
 4.本で勉強しました 5.ネットで勉強しました 6.ボランティア教室で勉強しました
- ② 1.英語は発音がおもしろいです 2.フィリピン語は文法が簡単です 3.ミャンマー語は文字がかわいいです
 4.タイ語は読むのが難しいです 5.中国語は漢字を書くのが大変です
- ③ 1.日本語の文字はかわいいです。でも、書くのは難しいです。
 2.話すのは得意です。でも、読むのは苦手です。
 3.ベトナム語は、発音はとても難しいです。でも、文法は難しくありません。
 4.モンゴル語は、文法は日本語と似ています。でも、文字はぜんぜん違います。
 5.日本語は、話すのは好きです。でも、読むのは大変です。
- ④ 1.その教科書、ちょっと見せてもらえませんか 2.この漢字の読み方を教えてください
 3.辞書、貸してもらえませんか 4.もう少し簡単なことばで言ってもらえませんか
 5.そのことは、紙に書いてもらえませんか 6.もういちど、ゆっくり説明してもらえませんか
- ⑤ 1.やり方 2.教え方 3.し方 4.行き方 5.聞き方 6.使い方

第10課 「日本語教室に参加したいんですが…」

- ① 1.合気道を習ってみたいんですが 2.いろいろな教科書を見てみたいんですが
 3.タイ語を勉強してみたいんですが 4.日本語学校に行ってみたいんですが
 5.日本のマンガを読みたいんですが
- ② 1.書道体験教室は月に1回です 2.合気道教室は週に2回です
 3.国際フェスティバルは年に1回です 4.ボランティア教室は2週間に1回です
 5.コースの申し込みは年に2回です／6か月に1回です
- ③ 1.手伝いましょうか 2.チェックしましょうか 3.教えましょうか 4.説明しましょうか 5.払いましょうか

- ④ 1.B:すみません、「ぼご」は何ですか? / 「ぼご」はどういう意味ですか? / ぼご?
 2.B:すみません、「チラシ」は何ですか? / 「チラシ」はどういう意味ですか? / チラシ?
 3.B:すみません、「ひよう」は何ですか? / 「ひよう」はどういう意味ですか? / ひよう?
 4.B:すみません、「こうみんかん」は何ですか? / 「こうみんかん」はどういう意味ですか? / こうみんかん?
 5.B:すみません、「よせなべ」は何ですか? / 「よせなべ」はどういう意味ですか? / よせなべ?
- ⑤ 1.仕事しごとのとき 2.休みやすみのとき 3.買い物かもののとき 4.暇ひまなとき
 5.若いわかいとき 6.元気げんきなとき 7.忙しいいそがいとき 8.部屋へやがうるさいとき

だい 第11課 「肉と野菜は私が買って行きます」

- ① 1.B:持って行きます C:買って行きます A:持って行きます
 2.A:作つくって来きました C:買かって来きます A:持もって来きました
 3.A:食たべて来きます B:持もって行いって
 4.A:持もって来きました B:いいれて来きます
- ② 1.ラーメンとうどん(と)、どっちがいいですか
 2.ビールにほんしゅと日本酒にほんしゅとワイン(と)、どれがいいですか / (お酒は)ビールにほんしゅと日本酒にほんしゅとワインがあります。どれがいいですか
 3.昆布こんぶとたらこうめと梅(と)、どれがいいですか / (おにぎりは)昆布こんぶとたらこうめがあります。どれがいいですか
 4.肉にくと魚さかな(と)、どっちがいいですか
 5.コロッケとシューマイと唐揚げからあげ(と)、どれがいいですか
- ③ 1.B:肉にく(のほう)がいいです 2.B:カレー(のほう)がいいです
 3.B:オレンジジュース(のほう)がいいです 4.B:パン(のほう)がいいです
 5.B:ココナッツミルク(のほう)がいいです
- ④ 1.B:どっちでもいいです 2.B:いつでもいいです 3.B:どこでもいいです
 4.B:どれでもいいです 5.B:だれでもいいです

だい 第12課 「お弁当、おいしそうですね」

- ① 1.A:甘あまそう 2.B:おいあじしそう 3.B:味あじがうすしそう 4.B:好すきそう 5.A:すすっぱそう B:だだいじじょうぶぶそう
- ② 1.甘あまそうなケけーキ 2.おいあじしそうなすすき焼やき 3.味あじがうすそうなラらーメン
 4.子こどもが好すきそうなおお弁べん当とう 5.すすっぱそうなみみかかん
- ③ 1.このカレー、辛からくておいあじしいです 2.梅干うめぼしは、すすっぱかくて苦にが手てです
 3.このスープは、味あじがうすくていいまいちです 4.この料理りょうり、ししよよっぱかくてああままり好すきじじゃないいです
 5.このコーヒいー、ああままり苦にがくくなくておいあじしいです 6.ここのチョコちコレれーート、ああままり甘あまくくなくて好すきいです
 7.ビール、ああままり冷つめたたくくなくておいあじしくないいです
- ④ 1.B:行いってみ 2.B:砂糖さとうを入いれてみ 3.A:ネねットで買かってみ 4.A:飲のみに行いってみ
 5.A:焼肉やきにくのたれたれを使つかってみ 6.A:日に本ほん料りょうり理りを習ならってみ 7.B:すすき焼やきを食たべてみ
- ⑤ 1.焼やけました 2.入いれ 3.煮にて 4.入はいって 5.焼やき 6.いれ
- ⑥ 1.A:辛からくないですか 2.A:すすっぱかくないですか 3.A:苦にがくないですか
 4.A:甘あまくないですか 5.A:難むずかしくないですか

第13課 「あと10分ぐらいで終わりそうです」

- ① 1. エアコンから変な音がするんですが… 2. やり方がわからないんですが…
 3. パソコンが動かないんですが… 4. コピーの紙がなくなったんですが…
 5. 今日の仕事、終わらなかったんですが…

《整理》

1. 動かない 2. しない 3. 休まない 4. 見ない 5. 帰らない
 6. 泳がない 7. 死なない 8. いない 9. 遊ばない 10. 寝ない
 11. 働かない 12. 話さない 13. 待たない 14. 行かない 15. 来ない
- ② 1. B: できそうです 2. A: 遅れそうです 3. B: かかりそうです 4. A: なくなりそうです
- ③ 1. カラーコピーしたいとき、どうすればいいですか 2. 紙をA3にしたいとき、どうすればいいですか
 3. FAXを送りたいとき、どうすればいいですか 4. スキャナを使いたいとき、どうすればいいですか
 5. 電源を入れたいとき、どうすればいいですか
- ④ 1. このボタンを押すと、両面コピーができます 2. ここに紙をセットすると、A3のコピーができます
 3. ここに数字で「20」と入れると、20部コピーできます 4. ここにコップを置くと、コーヒーが出ます
 5. ここに手をかざすと、水が流れます
- ⑤ 1. B: いいえ 2. B: はい 3. B: はい 4. B: いいえ 5. B: はい 6. B: いいえ

第14課 「休みを取ってもいいでしょうか？」

- ① 1. 事故で、電車が遅れています 2. せきがひどくて、これから病院に行きます 3. 道が複雑で、よくわかりません
 4. 昨日は熱があって、会社を休みました 5. 台風で、電車が止まりました 6. 家が遠くて、時間がかかりました
 7. 財布を忘れて、これから家に取りに帰ります
- ② 1. d 2. a 3. f 4. b 5. e
- ③ 1. トイレに行ってもいいですか 2. お祈りに行っていいですか
 3. たばこを吸って来ていいですか 4. ちょっと休憩してもいいですか
 5. 病院に行ってもいいですか 6. 窓を開けてもいいですか
 7. 聞いてもいいですか 8. お昼ご飯を食べに行って来ていいですか
- ④ 1. 今日、5時に早退してもいいでしょうか 2. ちょっと質問してもいいでしょうか
 3. もう家に帰ってもいいでしょうか 4. スマホの充電器、ちょっと借りてもいいでしょうか
 5. 午後の会議、私も参加してもいいでしょうか
- ⑤ 1. 役所に行かなければなりません 2. 会議に参加しなければなりません 3. 読まなければなりません
 4. 家を出なければなりません 5. 帰らなければなりません 6. 書かなければなりません
 7. 出さなければなりません 8. 家にいなければなりません 9. 町を案内しなければなりません
 10. 持って来なければなりません
- ⑥ 1. A: 友達と旅行に行くんです 2. A: 昨日から、せきがひどいです
 3. A: 今、仕事が忙しくて、大変なんです 4. A: 事故で電車が遅れているんです
 5. B: 子どもが病気なんです 6. A: コンサートに行きたいんです
 7. B: 仕事が終わらなかったんです

だい 第15課 「熱があつてのどが痛いんです」

① 【練習1】

- | | | |
|----------------------|------------------------|--------------|
| 1. 熱があるんです | 2. 目がかゆいんです | 3. 足をくじいたんです |
| 4. お腹が痛くて、食欲がないんです | 5. せきが止まらなくて、吐き気がするんです | 6. 頭をぶつけたんです |
| 7. かぜをひいて、熱が下がらないんです | | |

【練習2】

- | | | |
|--------------|--------------------|-------------------|
| 1. 吐き気がするんです | 2. せきが止まらないんです | 3. 目がかゆくて鼻水も出るんです |
| 4. 階段で転んだんです | 5. 子どもがインフルエンザなんです | 6. 熱が38度あるんです |
| 7. 具合が悪いんです | 8. 花粉症で大変なんです | 9. 食欲がないんです |
- ②
- | | | |
|------------------|-------------------|------------------|
| 1. たばこを吸わないでください | 2. 辛いものを食べないでください | 3. お風呂に入らないでください |
| 4. お酒を飲まないでください | 5. 運動しないでください | 6. がまんしないでください |
- ③
- | | | |
|-----------|----------|----------------|
| 1. 熱を下げる | 2. 胃を守る | 3. くしゃみ、鼻水を抑える |
| 4. 痛みを止める | 5. 体を温める | |
- ④
- | | | |
|---------------|-----------|--------------|
| 1. 朝ご飯を食べる前に | 2. 起きたあとに | 3. お酒を飲む前に |
| 4. お風呂に入ったあとに | 5. 船に乗る前に | 6. ご飯を食べたあとに |
- ⑤
- | | | |
|-----------------|--------------|---------------|
| 1. 二日酔いするとき | 2. 熱があるとき | 3. せきが止まらないとき |
| 4. 足をくじいたとき | 5. かぜをひいたとき | 6. 元気なとき |
| 7. 痛くてがまんできないとき | 8. 熱が下がらないとき | |

だい 第16課 「食べすぎないようにしています」

- ①
- | | |
|------------------------|---------------------|
| 1. 静かな音楽を聞くといいですよ | 2. たくさん食べるといいですよ |
| 3. お酒を少し飲むといいですよ | 4. 昼、たくさん運動するといいですよ |
| 5. お腹をマッサージするといいですよ | 6. 難しい本を読むといいですよ |
| 7. ぬるいお風呂にゆっくり入るといいですよ | |
- ②
- | | |
|--------------------|------------------------|
| 1. お酒を飲みすぎました | 2. 昨日、ジムで運動しすぎました |
| 3. 先月は、働きすぎました | 4. 夏休みは、遊びすぎました |
| 5. 温泉で、お風呂に入りすぎました | 6. ドラッグストアでマスクを買いすぎました |
- ③
- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| 1. 散歩に行ったり、公園でテニスをしたり | 2. 音楽を聞いたり、映画を見たり |
| 3. サラダを食べたり、野菜ジュースを飲んだり | 4. かぜをひいたり、インフルエンザにかかったり |
| 5. 十分に加熱しなかったり、よく手を洗わなかったり | |
- ④
- | | |
|-----------------------|-------------------------|
| 1. できるだけ早く起きるようにしています | 2. 食事を自分で作るようにしています |
| 3. 毎日、運動するようにしています | 4. 肉を食べないようにしています |
| 5. お酒を飲みすぎないようにしています | 6. 人が多いところに行かないようにしています |

だい 第17課 「兄がくれたお守りです」

- | | | |
|---|----------------------------|---------------------|
| ① | 1. ネットで買った帽子 | 2. 私が撮った写真 |
| | 3. ベトナムから持って来たコーヒー | 4. タイ料理に使う調味料 |
| | 5. ミャンマーの母が作ったかばん | 6. 明日のバーベキューで使う肉と野菜 |
| | 7. 子どもの誕生日パーティーのために用意したケーキ | |
| ② | 1. かばん、母にもらったんです | 母にもらったかばんです |
| | 2. 花、夫にもらったんです | 夫にもらった花です |
| | 3. 人形、田中さんにもらったんです | 田中さんにもらった人形です |
| | 4. T シャツ、後輩にもらったんです | 後輩にもらったT シャツです |
| | 5. 時計、友だちにもらったんです | 友だちにもらった時計です |
| | 6. お酒、社長にもらったんです | 社長にもらったお酒です |
| | 7. マグカップ、娘にもらったんです | 娘にもらったマグカップです |
| | 8. みかん、先生にもらったんです | 先生にもらったみかんです |
| ③ | 1. かばん、母がくれたんです | 母がくれたかばんです |
| | 2. 花、夫がくれたんです | 夫がくれた花です |
| | 3. 人形、田中さんがくれたんです | 田中さんがくれた人形です |
| | 4. T シャツ、後輩がくれたんです | 後輩がくれたT シャツです |
| | 5. 時計、友だちがくれたんです | 友だちがくれた時計です |
| | 6. お酒、社長がくれたんです | 社長がくれたお酒です |
| | 7. マグカップ、娘がくれたんです | 娘がくれたマグカップです |
| | 8. みかん、先生がくれたんです | 先生がくれたみかんです |

だい 第18課 「何かプレゼントをあげませんか？」

- | | | | | | | | |
|---|----------------------------|-----------------------------|----------------------|-------|-------|--------|-------|
| ① | 1. パーティーに来るそうです | 2. ギフトカードがいいそうです | 3. あまり好きじゃないそうです | | | | |
| | 4. 男の子が生まれたそうです | 5. とてもおいしかったそうです | 6. お酒をぜんぜん飲まなかったそうです | | | | |
| | 7. とてもすてきだったそうです | 8. ないそうです | | | | | |
| ② | 1. あげ | 2. もらい | 3. あげる | 4. くれ | 5. あげ | 6. もらっ | 7. くれ |
| ③ | 1. プレゼントを買って来ると言っていました | 2. パソコンがほしいと言っていました | | | | | |
| | 3. その日は無理だと言っていました | 4. 「たなべ」はおいしくて、いい店だと言っていました | | | | | |
| | 5. プレゼントはもう選んだと言っていました | 6. 焼き鳥を食べたことがないと言っていました | | | | | |
| | 7. パーティーの準備は大変だったと言っていました | 8. 来月、帰国しなければならないと言っていました | | | | | |
| ④ | 1. 焼き鳥は「たなべ」がいちばんおいしいと思います | 2. この店は、あまり高くないと思います | | | | | |
| | 3. 送別会、とてもよかったと思います | 4. プレゼント、周さんが買って来ると思います | | | | | |
| | 5. 内山さんは忘年会には来ないと思います | 6. キムさんはもう帰ったと思います | | | | | |
| | 7. アナさんの誕生日は昨日だったと思います | 8. コンビニにはフォトフレームはないと思います | | | | | |
| | 9. 周さんはアナさんのことが好きだと思います | | | | | | |

ぶんぼう かいとう しょきゅう
文法ワークシート【解答】 (初級2)

だい か せんしゅう にほん き
第1課 「先週、日本に来たばかりです」

- ① 1. 私にはエリンという娘がいます 2. 浅草のまるごとステーキというレストランで働いています
3. 小台という駅の近くに住んでいます 4. 浦和アニメーション学院という専門学校に通っています
5. 私の出身の町は、ランブータンという果物が有名です 6. ジブリのとなりのトトロという映画が好きです
- ② 1. 空港に着いたばかりです 2. 1年前に始めたばかりです 3. 先週入ったばかりです
4. 山下さんから聞いたばかりです 5. さっき会ったばかりです 6. 今日、覚えたばかりです
7. 結婚したばかりです
- ③ 1. 工場で働いていました 2. 野菜を作っていました 3. 掃除の仕事をしていました
4. 建築の仕事をしていました 5. 学生をしていました 6. 車を売っていました
7. 日本語を教えていました 8. レストランで料理を作っていました
- ④ 1. 私はそこに住んでいました 2. 私はそれをよく飲みます 3. へー、そこは、どんな町ですか
4. あ、それ、写真で見たことがあります 5. 私は、そこでゆっくりするのが好きです
6. でもそれを日本で買うと、とても高いです 7. 私は、それが、とてもつらかったです
- ⑤ 1. ないけど 2. 都会だから 3. あって 4. 高原だから 5. 来るけど
6. 多くて 7. 寒いけど

だい か ひと
第2課 「まじめそうな人ですね」

- ① 1. 父は、背が高いです 2. うちの娘は、足が長いです 3. 子どもは、目がきれいです
4. 私のおじさんは、耳が悪いです 5. 赤ちゃんは、手が小さいです 6. 三船敏郎は、顔がかっこいいです
7. 加藤さんは、服がおしゃれです 8. 村田さんは、見た目がこわいです
- ② 【練習1】
1. マイクさんは、ひげをはやしている人です 2. 田村さんは、黄色いくつをはいている人です
3. エレノアさんは、黒いめがねをかけている人です 4. 加藤さんは、短いズボンをはいている人です
5. ミゲルさんは、大きくて変なピアスをつけている人です
- 【練習2】
1. テレビを見ている人 2. ご飯を食べている人 3. ゲームをしている人
4. コピーをしている人 5. コーヒーを飲んでいる人 6. 電話で話している人
7. 1人で音楽を聞いている人
- ③ 1.B:よ 2.B:よ A:ね 3.A:よ 4.A:ね 5.B:よ A:ね A:ね
- ④ 1.演技が上手だし 2.有名だし 3.かわいいし、おもしろいし
4.音楽がとても美しいし 5.高校のときに読んだし 6.楽しいし、感動できるし、俳優もみんないいし

だい 3 第3課 「アレルギーがあるので、食べられないんです」

- ① 1.このレストランは有名なので、いつも混んでいます 2.私はベジタリアンなので、肉とか魚はだめなんです
3.牛丼は安いので、よく食べます 4.わさびが苦手なので、わさび抜きをお願いします
5.小麦アレルギーがあるので、ケーキは食べられないんです
6.コーヒーが大好きなので、このカフェには毎日通っています
7.この町は海の近くなので、魚がおいしいです 8.タイ料理は辛いので、ちょっと苦手です
9.昨日、飲み過ぎたので、今日は朝ご飯を食べませんでした
10.時間がなかったので、博物館には行きませんでした
- ② 1.このチョコレート、お酒が入っていますよね 2.この料理、卵を使っていますよね
3.このカレー、豚肉は入ってないですよ 4.定食のご飯は、おかわりできますよね
5.このお店、全面禁煙ですよ
- ③ 1.B:普通で 2.B:刺身定食で 3.B:テイクアウトで 4.B:いっしょで 5.B:別々で
- ④ 1.この店でいちばん安いのは、うどんです 2.冬の食べ物で有名なのは、カニです
3.いちばんおいしいのは、「たなべ」の焼き鳥です 4.健康によくはないのは、お酒を飲みすぎることです
5.この店でよく食べるのは、ハンバーグです 6.大切なのは、野菜を毎日食べることです
7.びっくりするのは、大盛りのご飯の量です

だい 4 第4課 「しょうゆをつけないで食べてください」

- ① 【解答例】
1.おしゃれな店なら 2.おいしい魚なら／魚なら 3.別府なら／別府の食べ物なら
4.モンゴル料理なら／モンゴル料理のレストランなら 5.1月なら／1月の富山なら
- ② 1.皮をむいて 2.塩をかけないで 3.のりで巻いて 4.ミルクと砂糖を入れないで
5.よく焼いて 6.つゆにつけないで 塩をかけて
- ③ 1.お茶には砂糖を入れちゃだめですよ 2.このヨーグルトはもう古いから、食べちゃだめですよ
3.そんなに高いお肉を買っちゃだめですよ 4.皮は、捨てちゃだめですよ
5.いい牛肉は、そんなに焼いちゃだめですよ 6.あのレストランに、そんなきたない服で行っちゃだめですよ
7.手巻きずしは、ご飯をたくさんのおせちゃだめですよ 8.スープを飲むとき、音を出して飲んじゃだめですよ
9.子どもの料理教室ですから、お母さんとお父さんは来ちゃだめですよ
10.みかんを買うとき、すっぱいのを選んじゃだめですよ
- ④ 1.ソースをかけて、よく混ぜてから、食べます 2.はじめに、皮をむいてから、切ります
3.このハンバーグは、電子レンジで温めてから、袋から出して、ソースをかけます
4.薬を飲んでから、お酒を飲みます 5.家に帰ってから、すぐご飯を食べました
- ⑤ 1.このレストランは安くてもおいしいですが、駅から遠いです
2.「平兵衛」は有名ですが、私には行ったことないです
3.この店では、本物のタイ料理が食べられますが、とても辛いです
4.定食はちょっと量が少ないですが、ご飯のおかわり自由です
5.フェイジョアードは日本の「ぜんざい」に似ていますが、ぜんぜん甘くないです

だい 5 課 「早く予約したほうがいいですよ」

- ① 1.冬の富山では、おいしい魚が食べられます
 3.北海道まで、新幹線で行けます
 5.秋の日光は、きれいなもみじが見られます
 7.このお寺は、観光客も泊られます
 9.たいていのホテルは、ネットで予約できます
- 2.沖縄は暖かいから、春から秋まで泳げます
 4.東京は、遊ぶところがいろいろあるから、一日中遊べます
 6.浅草では、いろいろなお土産が買えます
 8.山の頂上まで、歩いて登れます
 10.このお祭りには、だれでも参加できます

《整理》

- 1.楽しめる 2.手伝える 3.起きられる 4.着ける 5.降りられる
 6.休める 7.待てる 8.伝えられる 9.乗れる 10.覚えられる
 11.話せる 12.借りられる 13.持って来られる 14.旅行できる 15.感動できる
- ② 1.海で泳げるところに行きたいです
 3.温泉に入れるところに行きたいです
 5.釣りができるところに行きたいです
 7.キャンプができるところに行きたいです
 9.お土産が買えるところに行きたいです
- 2.のんびりできるところに行きたいです
 4.古いお寺が見られるところに行きたいです
 6.おいしいものが食べられるところに行きたいです
 8.雪が見られるところに行きたいです

- ③ 1.うどんがおいしいって 2.土曜日は、もういっぱいだって 3.3月は、まだ泳げないって
 4.北海道に行って、カニが食べたいって 5.2時間ぐらい並んだって 6.来週、京都に旅行に行くって
 7.自転車に乗れないんだって

④ 【解答例】

- 1.A:どこに行ったらいいですか／何を見たらいいですか 2.A:どんなところに／どこに泊まったらいいですか
 3.A:いつ行ったらいいですか 4.A:だれに聞いたらいいですか 5.A:何を持って行ったらいいですか
 6.A:どこで買ったらいいですか
- ⑤ 1.持って行ったほうがいいです 2.予約したほうがいいです 3.買わないほうがいいです
 4.見たほうがいいです 5.泊まらないほうがいいです 6.持って来ないほうがいいです
 7.急いだほうがいいです

だい 6 課 「いろいろなところに行けて、よかったです」

- ① 1.来週、箱根に行くつもりです。
 2.週末は、どこにも行かないつもりです。
 3.京都では、お寺や神社をたくさん見るつもりです。
 4.新幹線は高いので、使わないつもりです。
 5.今日はこれから商店街に行って、お土産を買うつもりです。
 6.浅草では、ビジネスホテルに泊まるつもりです。日光では、温泉旅館に泊まるつもりです。
 7.京都と大阪に行くつもりです。奈良には行かないつもりです。
- ② 1.大阪でおいしいものが食べられて、満足しました 2.有名な水族館に行けて、感動しました
 3.通天閣に行けなくて、残念でした 4.東京でたくさん遊べて、とても楽しかったです
 5.動物園で、パンダが見られて、うれしかったです 6.沖縄では、車が借りられなくて、大変でした
 7.ゴールデンウィークはどこにも行けなくて、つまらなかったです

- ③ 1. いろいろなところに行けたし、たこ焼きも食べられたし
 2. スキーもできるし、温泉も入れるし
 3. 自然の景色がきれいだし、古いお寺も見られるし
 4. 寒いし、海で泳げないし
 5. 天気がよくなかったし、ケーブルカーにも乗れなかったし
 6. あまり混んでいなかったし、ショーもたくさん見られたし
- ④ 1. 見た 2. 行く 3. 見ている 4. 登った 5. 降っている 6. 入る 7. 着いた
- ⑤ 1. 今田さんとバイさんと3人で 2. 家族(と)4人で 3. 先輩と後輩と3人で
 4. 会社の人と3人で 5. 母と2人で 6. 同じ国の友だちと3人で
 7. 日本語教室の人と4人で 8. 1人で

第7課 「雨が降ったら、ホールでやります」

- ① 1. 盆踊りが終わったら 2. 暇だったら 3. 天気がよかったら 4. 水が濁ったら
 5. 場所がわからなかったら 6. 嫌じゃなかったら 7. 時間がなかったら
- ② 1. 今週の日曜日、海岸で、花火大会が行われます
 2. 昨日の夜、市役所のホールで、映画上映会が開催されました
 3. 毎週土曜日、中央公園でフリーマーケットが開かれます
 4. 8月15日、さくら小学校校庭で、盆踊り大会が行われました
 5. 来週国へ帰るマイさんの送別会が、昨日開かれました
- ③ 1. A: 飲めます 2. A: 作れます 3. B: 弾けます 4. A: 食べられます
 5. A: 歌えます 6. A: 話せます 7. B: 寝られる

第8課 「屋台はどこかわかりますか？」

- ① 1. A: 終わりました B: 終わっていません／終わってません
 2. A: 見に行きました B: 見に行っていない／見に行ってません
 3. A: 買いました B: 買っていません／買ってません
 4. A: 申し込みました B: 申し込んでいません／申し込んでません
 5. A: 決めました B: 決めていません／決めてません
 6. A: 疲れました B: 疲れていません／疲れてません
- ② 1. A: まだ B: まだ 2. A: もう B: まだ 3. A: まだ 4. B: まだ
 5. A: もう B: まだ 6. A: まだ B: もう 7. B: もう もう B: まだ
- ③ 1. どこで買ったらいいか 2. だれに聞いたらいいか 3. だれが出るか 4. どんなことをするか
 5. いくらか 6. どのぐらい混むか 7. 何を留意して行ったらいいか

第9課 「成人の日は、何をするんですか？」

- ① 1. A: 食べるんです 2. A: 作るんです 3. A: 飾るんです 4. A: 書くんです 5. A: 食べるんです
- ② 1. 1つしか食べませんでした 2. 買い物しかしませんでした 3. 1000円しかもらいませんでした
 4. 同じ話しかしませんでした 5. 自分で食べるケーキしか買いませんでした
- ③ 1. しか 2. だけ 3. だけ 4. しか 5. だけ 6. しか 7. だけ
- ④ 1. 見たりして 2. 行ったりして 3. 泳いだりして 4. 書いたりして 5. 話したりして

- ⑤ 1.帰かえなくちゃならない 2.取とらなくちゃならない 3.片付かたづけなくちゃならない
4.買かわなくちゃならない 5.遊あそばなくちゃならない
- ⑥ 1.見みられ/見みれ 2.着きられ/着きれ 3.取とれ 4.出でられ/出でれ
5.泊とまれ 6.来こられ/来これ 7.帰かえれ 8.起おきられ/起おきれ
- ⑦ 1.ちらしずしを食たべる人もいます 2.着物きものを着きて写真しゃしんを撮とる人ひとが多いおおです
3.海外かいがいに旅行りょこうに行く人ひとが多いおおです 4.海外かいがいからタイきまつに来て祭まつりに参加さんかする人ひともいます
5.家族かぞくや友ともだちとパーティーパーティーをする人ひとが多いおおです 6.恋人こいびととデートデートする人ひともいます 家族かぞくと過すぐす人ひともいます
- ⑧ 1.歌うたいながら 太鼓たいこをたたく 2.お酒さけを飲のみながら ゲームゲームをし
3.イルミネーションイルミネーションを見みながら いっしょいっしょに歩あるき 4.おしゃべりおしゃべりをしながらかざりつけかざりつけをし
5.踊おどりを踊おどりながら 町まちを歩あるき
- ⑨ 1.家いえによって 2.店みせによって 3.年としによって 4.国くにによって 5.人ひとによって

第10課 「どんな服ふくを着きていけばいいですか？」

- ① 1.A:買かえばいいです 2.A:入いれればいいです 3.A:飲のめばいいです
4.A:渡わたせばいいです 5.A:書かけばいいです

《整理》

- 1.聞きけば 2.飲のめば 3.言いえば 4.来くれば 5.並ならべれば
6.用意よういすれば 7.待まてば 8.話はなせば 9.着きれば 10.乗のれば
11.覚おぼえれば 12.見みれば 13.準備じゆんびすれば 14.頼たのめば 15.呼よべば
- ② 1.電話でんわで話はなしてはいけません/電話でんわで話はなしちゃだめです
2.写真しゃしんを撮とってはいけません/写真しゃしんを撮とっちゃだめです
3.ゲームで遊あそんではいけません/ゲームで遊あそんじゃだめです
4.お酒さけを飲のんではいけません/お酒さけを飲のんじゃだめです
5.たばこを吸すってはいけません/たばこを吸すっちゃだめです
6.残業ざんぎようしてはいけません/残業ざんぎようしちゃだめです
7.辛いからものを食たべてはいけません/辛いからものを食たべちゃだめです
- ③ 1.バスなか中しずでは静しずかにしなくちゃ 2.横断歩道おうだんほどうは、青あおになつてから渡わたらなくちゃ
3.明日あしたは早はやいから、今日けふは早はやく寝ねなくちゃ 4.ジュースは、お金かねを払はらってから飲のまなくちゃ
5.電車でんしゃに乗のるときは、ちゃんちゃんと列れつに並ならばなくちゃ
- ④ 1.次つぎの人ひとが気持きもちよく使つかえるように、トイレトイレをきれいきれいに使つかいます
2.友だちともが元気げんきになるように、お見舞みまいに行いきます
3.パーティーパーティーでいいあいさつあいさつができるように、たくさんたくさん練習れんしゅうします
4.トイレトイレがつまらないように、トイレトイレトーパートーパーをゴミ箱ごみばこに捨すてます
5.事故じこにならないように、赤信号あかしんごうをちゃんちゃんと守まもります
- ⑤ 1.怒おこられました 2.言いわれました 3.ししかられました 4.ほめられました 5.取とられました
6.相談そうだんされました

《整理》

- 1.見られる 2.聞かれる 3.呼ばれる 4.教えられる 5.される
 6.捨てられる 7.使われる 8.紹介される 9.読まれる 10.見せられる
 11.祝われる 12.押される 13.書かれる 14.案内される 15.忘れられる

- ⑥ 1.トイレに流しているの 2.どうして掃除の人が食器を片付けないの
 3.え、赤信号を渡るの 4.日本は、チップの習慣、ないの 5.「お通し」って、お金を取られるの
 ⑦ 1.バスの中では静かにしなきゃ 2.横断歩道は、青になってから渡らなきゃ
 3.明日は早いから、今日は早く寝なきゃ 4.ジュースは、お金を払ってから飲まなきゃ
 5.電車に乗るときは、ちゃんと列に並ばなきゃ

第11課 「ポイントカードを忘れてしまいました」

- ① 1.<つ はいてみてもいいですか 2.帽子 かぶってみていいですか
 3.スカート はいてみていいですか 4.ワンピース 着てみていいですか
 5.サングラス かけてみていいですか 6.浴衣 着てみていいですか
 7.ズボン はいてみていいですか 8.ピアス つけてみていいですか
 ② 1.この服は、ちょっと大きすぎます 2.この色、ちょっと地味すぎます
 3.このコート、ちょっと高すぎます 4.この服、色がちょっと暗すぎます
 5.この服、ちょっとカジュアルすぎます
 ③ 1.安い の 2.地味な の 3.軽い の 4.簡単な の 5.静かな の
 ④ 1.踏まれ 2.とられ 3.壊され 4.移動され 5.盗まれ とられ 捨てられ
 ⑤ 1.B:事故かもしれません 2.B:見つからないかもしれません 3.B:忘れたかもしれません
 4.A:だめかもしれません 5.A:骨を折ったかもしれません 6.B:安いかもしれません

【練習1】

- 1.トイレで鍵を落としてしまいました
 2.ショッピングモールが広すぎて、道に迷ってしまいました
 3.たくさん歩いて、のどが渇いてしまいました
 4.自転車を入りに停めたら、移動されてしまいました
 5.「北海道フェア」で、お金を使いすぎてしまいました
 6.先週、ホームセンターで買ったペットの魚は、すぐに死んでしまいました

【練習2】

- 1.トイレで鍵を落としちゃいました
 2.ショッピングモールが広すぎて、道に迷っちゃいました
 3.たくさん歩いて、のどが渇いちゃいました
 4.自転車を入りに停めたら、移動されちゃいました
 5.「北海道フェア」で、お金を使いすぎちゃいました
 6.先週、ホームセンターで買ったペットの魚は、すぐに死んじゃいました

だい 第12課 「この掃除機は軽くて動かしやすいですよ」

- ① 1. 扇風機が直るまで 2. ドライヤーが壊れるまで 3. 炊飯器を注文するまで
4. 新しいショッピングモールができるまで 5. 店が閉まるまで
- ② 1. わかりにくい 2. 掃除しやすい 3. 見やすい 4. 持ちにくい
5. 持ち運びやすい 6. 入りにくい 7. 買い物しやすい
- ③ 1. A: 白とシルバー(と)、どっちが人気がありますか
B: シルバーのほうが人気があります
2. A: スマホとタブレット(と)、どっちが使いやすいですか
B: タブレットのほうが使いやすいです
3. A: レオンモールとさくらモール(と)、どっちが大きいですか
B: レオンモールのほうが大きいです
B: さくらモールのほうがいい店がたくさんあります
4. A: J's デンキとヨツジマカメラ(と)、どっちが安いですか
B: J's デンキのほうが安いです
B: ヨツジマカメラのほうが店員が親切です
5. A: ネットショッピングとフリマアプリ(と)、どっちが安く買えますか
B: フリマアプリのほうが安く買えます
B: ネットショッピングのほうがいちいち選べます

だい 第13課 「いろいろな資料を展示してあります」

- ① 1. 使用され 2. 描かれ 3. 残され 4. 選ばれ 5. 飾られ 6. 作られ 7. 展示され
- ② 1. 飾ってあります 2. 買ってあります 3. 置いてあります 4. 書いてあります
5. 設定してあります 6. 用意してあります
- ③ <<整理>>
1. います 2. あります 3. あります 4. います 5. あります
6. あります 7. います 8. あります 9. います
- ④ 1. 市の美術館には、絵だけでなく、彫刻も展示されています
2. 「ゆうゆう館」には、お風呂だけでなく、食堂や休憩室もあります
3. プラネタリウムは、子どもだけでなく、大人にも人気があります
4. さくらホールは、コンサートだけでなく、市の行事やイベントにも使われます
5. 国際交流フェスティバルは、さくら公園だけでなく、さくらトピアでも行われます
6. このスポーツジムでは、マシンで運動することだけでなく、プールで泳ぐこともできます
- ⑤ 1. セットのチケットなら 2. DVD なら 3. 市内にお住まいの方なら 4. 小学生以下なら
5. あちらのロビーなら
- ⑥ 1. いくら行っても 2. どれを食べても/何を食べても 3. だれに聞いても 4. 何枚しても
5. どこで聞いても

第14課 「前髪は、もう少し短く切ってもらえますか？」

- ① 1.少なく 2.まじめに 3.早く 4.安く 5.元気に 6.きれいに 7.親切に 8.気持ちよく
- ② 1.ジムを初めて利用する方のために 2.日本語がよくわからない方のための
3.いろいろな国の料理が好きな方のために 4.仕事で困っている方のための
5.日本に来たばかりの方のための 6.時間がない方のために

第15課 「会議室の電気がついたままでした」

- ① 1.着たまま 2.出したまま 3.出されたまま 4.濁ったまま 5.つけたまま
- ② 1.電気料金を節約するのに 2.買ったものを持ち帰るのに 3.粗大ごみを捨てるのに
4.紙を節約するのに 5.油を捨てるのに 6.世界の環境について考えるのに

第16課 「地震が来ても、あわてて動かないでください」

- ① 1.早く集まれ 2.あわてるな 3.外に逃げろ 4.落ち着け 5.川に近づくな
6.火を消せ 7.ドアを開けろ 8.エレベーターは使わない 9.頭を守れ

《整理》

- 1.待て 2.行け 3.言え 4.あきらめろ 5.報告しろ
6.探せ 7.呼べ 8.入れ 9.降りろ 10.座れ
11.見ろ 12.飲め 13.避難しろ 14.やめろ 15.来い
- ② 1.外に出ないようにしてください 2.あわてないようにしてください
3.海の近くには行かないようにしてください 4.無理をしないようにしてください
5.悪いことは考えないようにしてください
- ③ 1.いつもの交通手段が利用できなく 2.ネットが使えなく 3.部屋の窓が開かなく
4.食べられなく 5.地震を怖いとは思わなく
- ④ 1.来ても 2.おさまったら 3.だったら 4.噴射しても 5.変でも
6.大きかったら 7.でも 8.停電しても 9.寒かったら 10.小さくなくても
11.必要だったら 12.行っても
- ⑤ 1.今、電車が動いているかどうか 2.ここが危険かどうか
3.明日、雪が積もるかどうかわ 4.大きな地震がもうすぐ起きるかどうかわ
5.避難所の生活にがまんできるかどうか 炊き出しのご飯がおいしいかどうか

第17課 「日本語が前より話せるようになりました」

- ① 1.納豆が食べられるようになりました 2.1人で仕事ができるようになりました
3.日本の料理が好きになりました 4.仕事が楽しくなりました
5.すし職人になりました 6.いろいろなところに出かけるようになりました
7.ご飯の前に「いただきます」と言うようになりました
8.お酒をあまり飲まなくなりました 9.日本の習慣で困らなくなりました
10.将来のことも考えられるようになりました

第18課 「将来、自分の会社を作ろうと思います」

- ① 1.日本語の勉強を、もっとがんばろうと思っています
- 2.日本語を使って働ける会社に就職しようと思っています
- 3.家族に、日本のことをいろいろ教えようと思っています
- 4.今の生活を、もっと楽しもうと思っています
- 5.合気道か空手を習ってみようと思っています
- 6.将来は、海の近くでのんびり暮らそうと思っています

《整理》

- | | | | | | |
|-------|--------|--------|--------|---------|-------|
| 1.行こう | 2.食べよう | 3.続けよう | 4.待とう | 5.勉強しよう | 6.見よう |
| 7.言おう | 8.忘れよう | 9.稼ごう | 10.呼ぼう | 11.来よう | |

- ② 1.すし職人になるために、専門学校に通っています
- 2.バイクを買うために、毎月貯金しています
- 3.自分の国で会社を始めるために、いろいろ手続きをしています
- 4.いろいろな人と知り合うために、国際交流サークルに入りました
- 5.アメリカに留学するために、試験を受けます
- 6.また日本に来るために、日本語の勉強を続けます

《整理》

- | | | | | | | | |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 1.ために | 2.ように | 3.ように | 4.ために | 5.ように | 6.ように | 7.ために | 8.ために |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|

- ③ 1.手伝ってあげ
- 2.つれて行ってあげ
- 3.料理を作ってあげ
- 4.助けてあげ
- 5.車を買ってあげ

- ④ 1.助けてもらい
- 2.日本語を直してもらい
- 3.町を案内してもらい
- 4.自転車を貸してもらい
- 5.いい店を教えてください
- 6.ごちそうしてもらい
- 7.ピアノを弾いてもらい
- 8.薬を買って来てもらい

- ⑤ 1.助けてくれ
- 2.日本語を直してくれ
- 3.町を案内してくれ
- 4.自転車を貸してくれ
- 5.いい店を教えてください
- 6.ごちそうしてくれ
- 7.ピアノを弾いてくれ
- 8.薬を買って来てくれ

《整理》

- | | | | | | | | |
|------|------|-------|------|------|------|-------|---------|
| 1.あげ | 2.くれ | 3.もらい | 4.くれ | 5.あげ | 6.くれ | 7.もらい | 8.あげ／くれ |
|------|------|-------|------|------|------|-------|---------|